

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2025 (vật tư chuyên khoa Gây mê hồi sức) – lần 2 theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2025 (vật tư chuyên khoa Gây mê hồi sức)

2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

4. Loại hợp đồng: hợp đồng theo đơn giá cố định.

5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

- Cơ sở 1: 215 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, TP HCM

- Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP HCM

- Cơ sở 3: 221B Hoàng Văn Thụ, Phường 8, Q. Phú Nhuận, TP HCM.

6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 12 tháng.

7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.

8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 9 giờ, ngày 31/03/2025

9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:

- Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;

- Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị - Tổ Vật tư y tế tiêu hao, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan Số điện thoại: 028.3952 5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);

+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (nếu có).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (M04-050-lctthao) (02).

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



CÔNG TY:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Thông tin người liên hệ (tên, số điện thoại, email):

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ												
	TT trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thiết bị y tê/ Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền có VAT (VND)	Ghi chú
															Hợp đồng trúng thầu số...ngày... tại Bệnh viện... , giá trúng thầu: ... (nếu có)

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:



Ngày ... tháng năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC PHẠM VI CUNG CẤP VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO NĂM 2025 (VẬT TƯ CHUYÊN KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC)

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở, 80 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 80 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.5 - 2.5 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	500
2	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở, 75 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ mở - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 75 mm + Chiều cao ghim sau đóng điều chỉnh được 3 mức khoảng 1.5 - 2.0 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1.600
3	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, đầu móc, 30 mm, 45 mm, 60 mm, chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 30 mm, 45 mm, 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 2 - 3 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Đầu móc - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	150
4	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, đầu móc, 60 mm, chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Đầu móc - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
5	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 30 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 30 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 2 - 3 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	72
6	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 45 mm, tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 2 - 3 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.7 - 1.3 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	110
7	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước: + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	528
8	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.4 - 1.6 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.4 - 1.6 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1.700
9	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.7 - 1.9 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.7 - 1.9 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
10	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.9 - 2.1 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.9 - 2.1 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
11	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưới dao nằm trong băng ghim - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	2.800
12	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim từ 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưới dao nằm trong băng ghim - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	24
13	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	210
14	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.4 - 1.6 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.4 - 1.6 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	20

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
15	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.7 - 1.9 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.7 - 1.9 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
16	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.9 - 2.1 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 45 mm + Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1.9 - 2.1 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	5
17	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng, mô mở	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng, mô mở - Chất liệu ghim: titanium - Chiều dài băng ghim 30 mm - Cấu tạo 3 hàng ghim - Chiều cao ghim sau đóng khoảng 1 - 1.2 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	6
18	Ống nội soi mềm, đường kính 3 - 3.5 mm	Ống nội soi mềm - Một vỏ bọc nhựa - Lõi bằng kim loại, kết cấu dễ dàng gấp góc, xoắn vặn - Chiều dài làm việc khoảng 630 - 650 mm - Đường kính ống soi khoảng 3 - 3.5 mm - Kích thước kênh làm việc khoảng 1 - 1.2 mm - Mật độ điểm ảnh khoảng 160.000 - 170.000 Pixels. - Có nút thao tác ghi hình, chụp ảnh trên ống soi - Có khả năng quan sát trong khoảng cách từ 3-100mm - Trường quan sát khoảng: 110-120 độ - Hệ thống chiếu sáng: ≥ 2 đèn - Kết nối tương thích với các loại màn hình kích thước khác nhau - Có thể gấp góc 2 chiều, chiều lên ít nhất 270 độ (+ 270), chiều xuống ít nhất 270 độ (- 270) - Có nút khoá góc gấp ống soi hỗ trợ khi soi - Thời gian sử dụng tối thiểu 3 giờ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	103
19	Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở và mô nội soi	Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm cùng hãng - Sử dụng được ≥ 90 lần - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện	Cái	32

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
20	Bóng nong đường mật, đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 8, 10, 12 mm	- Bóng nong đường mật - Chất liệu Pebax, không thấm nước - Đường kính dây dẫn bóng khoảng 7 - 8 Fr - Chiều dài làm việc khoảng 160 - 180 cm - Chiều dài bóng khoảng 5 - 6 cm - Có đánh dấu cân quang trên bóng nong - Đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ, có thể nong khoảng 6 - 8 mm, khoảng 8 - 10 mm, khoảng 10 - 12 mm - Có thể luồn dây dẫn đường kính tối thiểu 0,025" - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Tương thích dây dẫn khoảng 0.025" - 0.035"	cái	38
21	Ống dẫn lưu đường mật qua da có khóa	- Ống dẫn lưu đường mật qua da có khóa - Kích thước khoảng 6 - 14 Fr (tối thiểu phải có 8, 10, 12 Fr) - Chiều dài catheter khoảng 30 - 42 cm - Điểm đánh dấu cân quang được gắn trên thân ống, có tối thiểu 8 lỗ thoát dịch - Kích thước lỗ ≥ 2 mm - Có dây điều chỉnh độ cong đầu dẫn lưu và khóa ở phía đuôi ống dẫn lưu - Đầu tip cong hình đuôi heo, đầu nhọn và lớp phủ ái nước. - Kèm: kim chọc, trocar - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	120
22	Bộ nong cho tán sỏi mật qua da	- Bộ nong cho tán sỏi mật qua da - Chất liệu bằng nhựa, cứng, chống gập khúc - Bề mặt nhẵn giảm sang chấn khi thao tác - Chiều dài ống nong: 20 - 22 cm - Dạng thẳng có thể uốn cong - Thiết kế 1 đầu thuận dẫn để nong rộng đường hầm, 1 đầu tương thích với bơm tiêm dùng để bơm hoặc hút dịch - Tương thích dây dẫn tối thiểu 0.032" - Có đủ các cỡ 8, 10, 12, 14, 16, 18 Fr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Xuất xứ: G7	Bộ	75
23	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 7-0, dài ≥ 70 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	- Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 7-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ khoảng 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 9.3 mm, đường kính ≤ 0.21 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	756
24	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo, trọng lượng phân tử khoảng 1 - 3 triệu Dalton	- Chất nhầy dùng trong phẫu thuật phaco, đặt thủy tinh thể nhân tạo: - Thành phần: Sodium hyaluronate, trong thành phần có thêm chất giúp bảo vệ phân tử Sodium hyaluronate không bị oxy hóa bởi các gốc tự do - Trọng lượng phân tử khoảng 1 - 3 triệu Dalton - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Ống	1.200

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
25	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 16 mm, 1/2 C, miếng đệm 3 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay hoặc sửa van động mạch chủ, van hai lá hoặc van ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ silicon - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 16 mm, 1/2 C, phủ silicon - Miếng đệm bằng PTFE 3 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	60
26	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	180
27	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C, miếng đệm 6 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 1/2 C - Miếng đệm bằng PTFE, 6 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	108
28	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ silicon - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	252
29	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C, miếng đệm 7 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ silicon - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Miếng đệm bằng PTFE, 7 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	90
30	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	156

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
31	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm 6 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C - Miếng đệm bằng PTFE, 6 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	96
32	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C, miếng đệm mềm 6 x 3 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi dùng trong thay van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá - Chỉ bằng Polyester, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C - Miếng đệm mềm bằng PTFE, 6 x 3 mm - Tiệt khuẩn, đóng gói: 01 tép tối thiểu 8 sợi (tối thiểu 4 sợi xanh, tối thiểu 4 sợi trắng) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	96
33	Chỉ khâu không tiêu, đa sợi, bằng Polyester, số 3-0, dài ≥ 80 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyester, số 3-0, dài ≥ 80 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	720
34	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 13 mm, đường kính ≤ 0.36 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	396
35	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn, đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	2.952
36	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 2 N - 2 kim tròn, đầu tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 9.3 mm, đường kính ≤ 0.21 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	504

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
37	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG)	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	2.700
38	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 2-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ G7	Tép	1.920
39	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	1.752
40	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 26 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	360
41	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ G7	Tép	552
42	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	2.592

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
43	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	540
44	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ G7	Tép	540
45	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm - 2 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	144
46	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene chất phủ polyethylene glycol, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	1.044
47	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	2.736
48	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	1.296
49	Chi khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 11 mm, 3/8 C	Chi khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chi bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 3 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 11 mm, đường kính ≤ 0.26 mm, 3/8 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ G7	Tép	720

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
50	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 3 N - 2 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, dài 9.3 mm, đường kính ≤ 0.26 mm, 3/8 C, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	1.800
51	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, đường kính ≤ 0.31 mm, dài 13 mm, 3/8 C bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ G7	Tép	540
52	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 9 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, chỉ phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 9 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	3.348
53	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 8 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), 8 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	1.440
54	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 6 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi, - Chỉ bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 60 cm, phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 6 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	1.224
55	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 45 cm, 2 kim, dài 6.5 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 8-0, dài ≥ 45 cm - 2 kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 6.5 mm, đường kính ≤ 0.15 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ G7	Tép	420
56	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 0, dài ≥ 100 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 0, dài ≥ 100 cm - 1 kim tròn đầu tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ G7	Tép	615

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
57	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng polypropylene, số 1, dài ≥ 100 cm, 1 kim, dài 45 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 1, dài ≥ 100 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 45 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ G7	Tép	2.376
58	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 12 mm, 3/8 C, miếng đệm 2 x 3.5 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 5-0, dài ≥ 75 cm, có miếng đệm 2 x 3.5 mm - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng thép không gỉ, dài 12 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	324
59	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 10 mm, 3/8 C, miếng đệm 2 x 3.5 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 6-0, dài ≥ 75 cm, có miếng đệm 2 x 3.5 mm - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 10 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	684
60	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	9.972
61	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 24 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 3-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 15 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 24 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	27.972
62	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 4-0, dài ≥ 45 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	2.250
63	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 9 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	6.768

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
64	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 5 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, 16 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	2.340
65	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 12 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 3 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 12 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	288
66	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 9-0, dài ≥ 10 cm, 1 kim, dài 5.1 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 9-0, dài ≥ 10 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 5.1 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	154
67	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 1, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 30 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 1, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 50 N - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 30 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	3.816
68	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 3-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 15 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	720
69	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 4-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 10 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	2.160

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
70	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	936
71	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 5-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 7 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	tép	1.440
72	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene + Polyethylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 10 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene + Polyethylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 3 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 10 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	1.836
73	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, phủ polyethylene glycol (PEG) - 1 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	1.944
74	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 25 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 2-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tròn, đầu tròn thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 25 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	4.512
75	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu không tiêu, tự nhiên, đa sợi - Chỉ bằng kén tằm, số 3-0, dài ≥ 75 cm, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - 1 kim tròn đầu tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	10.008

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
76	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi bằng Glycomer, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 3-0, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, dài ≥ 30 cm, thời gian giữ vết thương 2 tuần, lực căng kéo chỉ tối thiểu 1.7 kgF, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	456
77	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi bằng Glycomer, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 15 cm, 1 kim, dài 17 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 4-0, dài ≥ 15 cm, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, thời gian giữ vết thương 2 tuần, lực căng kéo chỉ tối thiểu 0.9 kgF, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 17 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	432
78	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi bằng Glycomer, đơn sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 75 - 80% USP (tiêu chuẩn được điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 40 - 50% trong 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 110 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	540
79	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi bằng Glycomer, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glycomer 631 thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, số 2-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 70 - 80% USP (tiêu chuẩn được điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 40 - 50% trong 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 110 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	4.800
80	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi bằng polydioxanone, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50 - 60% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	1.224
81	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi bằng polydioxanone, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 2-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ khoảng 50 - 60% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, dài 26 mm, 1/2 C, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	324

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
82	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 4-0, dài ≥ 30 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan - Chỉ dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ tối thiểu 30%, 1 đầu tự khoá linh hoạt, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	180
83	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi số 4-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 20 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 4-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ khoảng 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 20 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	5.400
84	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 5-0, dài ≥ 90 cm, 2 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 5-0, dài ≥ 90 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, đường kính ≤ 0.36 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	1.296
85	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 6-0, dài ≥ 70 cm, 2 kim, dài 9.3 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 6-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 9.3 mm, đường kính ≤ 0.21 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	2.160
86	Chỉ khâu tiêu, bằng polydioxanone, đơn sợi, số 1, dài ≥ 45 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polydioxanone, số 1, dài ≥ 45 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, 1 đầu tự khoá, có 2 hàng neo ép đối xứng, 5 neo/1cm, lực giữ vết mổ 50 - 55% ít nhất 6 tuần, tiêu hoàn toàn < 240 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 40 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	216
87	Chỉ khâu tiêu, bằng Polyglecaprone, đơn sợi, số 3-0, dài ≥ 20 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 3-0, dài ≥ 20 cm, có chất kháng khuẩn Triclosan, lực giữ vết mổ 25 - 30% sau 2 tuần, tiêu hoàn toàn < 120 ngày - Chỉ dạng không thắt nút có hàng neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30 - 35%, 1 đầu tự khoá linh hoạt - 1 kim, đầu tròn thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	360

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
88	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi bằng polyglyconate, đơn sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglyconate (copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate), số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng của chỉ đạt 70 - 80% ít nhất 1 tuần, và 40 - 50% ít nhất 4 tuần, tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	252
89	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi, có gai, bằng polyglyconate, đơn sợi, có gai, số 0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglyconate (copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate), có gai, hướng gai 1 chiều, 1 đầu có vòng không cần buộc, số 0, dài ≥ 30 cm, thời gian giữ vết thương 3 tuần, lực căng kéo chỉ tối thiểu 3.9 kgF, tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	tép	408
90	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi, có gai, bằng polyglyconate, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 30 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglyconate (copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate), số 2-0, dài ≥ 30 cm, có gai, hướng gai một chiều, một đầu có vòng không cần buộc, thời gian giữ vết thương 3 tuần, lực căng kéo chỉ tối thiểu 2.6 kgF, tiêu hoàn toàn ≤ 180 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	72
91	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 20 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 42 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 37 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	3.132
92	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi, bằng polyglactin, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 36 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 90 cm, tiêu hoàn toàn ≤ 42 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 36 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	7.524
93	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 45 cm - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	512

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
94	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 42 ngày - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	1.308
95	Chỉ khâu tiêu, bằng Glyconate, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 28 N, lực giữ vết mổ giảm 50% ít nhất 14 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	432
96	Chỉ khâu tiêu, bằng Glyconate, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate, số 4-0, dài ≥ 45 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 17 N, lực giữ vết mổ giảm 50% ít nhất 6 ngày, tiêu hoàn toàn sau 56 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	tép	1.152
97	Chỉ khâu tiêu, bằng Glyconate, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Glyconate, số 2-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ giảm 50% ít nhất 13 ngày, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 40 N, tiêu hoàn toàn ≤ 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	tép	1.800
98	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và calcium stearoyl lactylate, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 138 - 140% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 30 - 50% sau 3 tuần. - 1 kim tròn đầu nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	11.988
99	Chỉ khâu tiêu, bằng lactomer 9-1, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và calcium stearoyl lactylate, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 138 - 140% USP (tiêu chuẩn dược điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 30 - 50% sau 3 tuần. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	3.744

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
100	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và calcium stearoyl lactylate, số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 138 - 140% USP (tiêu chuẩn được điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 30 - 50% sau 3 tuần. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	tép	7.020
101	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và calcium stearoyl lactylate, số 2-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 138 - 140% USP (tiêu chuẩn được điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 30 - 50% sau 3 tuần. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	3.024
102	Chỉ khâu tiêu, bằng Lactomer 9-1, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Lactomer 9-1 gồm glycolic và lactide được bao phủ bởi Caprolactone Glycolide và calcium stearoyl lactylate, số 3-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt ban đầu khoảng 138 - 140% USP (tiêu chuẩn được điển Mỹ và châu Âu), còn khoảng 30 - 50% sau 3 tuần. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	12.112
103	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 0, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 0, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 50 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	tép	324
104	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 90 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 65 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhon, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	2.412

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
105	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực căng kéo nút thắt (lực căng của chi) tối thiểu 20 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	2.232
106	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	5.386
107	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	900
108	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 3-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, titan), dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	11.710
109	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng Polyglactin, số 4-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim tam giác, vòng kim phức hợp, dài 16 mm, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	384
110	Chi khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 22 mm, 1/2 C	Chi khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chi bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 4-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 22 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	5.400

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
111	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, số 5-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 16 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	360
112	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 5-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	1.872
113	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim tam giác, dài 11 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 11 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	300
114	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 6-0, dài ≥ 45 cm, 1 kim, dài 13 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, số 6-0, dài ≥ 45 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 13 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	84
115	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 1, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 1, dài ≥ 70 cm, giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	8.820
116	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 1, dài ≥ 90 cm, giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	6.156
117	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 5-0, dài ≥ 70 cm, có phủ chất kháng khuẩn, 1 kim, dài 17 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 5-0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 17 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	912

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
118	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 1, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 30 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 45 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 30 mm 1/2 C, phủ silicon - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	tép	5.724
119	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), số 1, dài ≥ 90 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 1, dài ≥ 90 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 45 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	1.260
120	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 25 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	2.016
121	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 3-0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 26 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 3-0, dài ≥ 70 cm, phủ chất kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate (CHD), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 15 N, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng thép không gỉ, dài 26 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	4.248
122	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 16 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim tam giác, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 16 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	588
123	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglytone, đơn sợi, số 4-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 19 mm, 3/8 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyglytone, số 4-0, dài ≥ 75 cm, lực giữ vết thương còn 50% ít nhất 5 ngày, tiêu hoàn toàn ≤ 60 ngày - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 19 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	804

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
124	Chỉ thép số 5, dài ≥ 40 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 5 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 5, dài ≥ 40 cm - Kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Tiết khuôn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	312
125	Chỉ thép số 5, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 5 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 5, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C - Tiết khuôn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	420
126	Chỉ thép điện cực, số 2-0, dài ≥ 60 cm, 1 kim tròn, dài 17 mm, 1/2 C, 1 kim thẳng, dài 60 mm	Chỉ thép điện cực - Chỉ bằng thép không gỉ, phủ lớp cách điện, số 2-0, dài ≥ 60 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, dài 17 mm, 1/2 C - 1 kim thẳng, đầu tam giác, dài 60 mm, thân kim có khắc bề để kết nối dây dẫn với máy tạo nhịp - Tiết khuôn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	444
127	Chỉ thép điện cực, số 3-0, dài ≥ 60 cm, 1 kim tròn, dài 13 mm, 1/2 C, 1 kim thẳng, dài 51 mm	Chỉ thép điện cực - Chỉ bằng thép không gỉ, phủ lớp cách điện, số 3-0, dài ≥ 60 cm - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuôn nhọn, dài 13 mm, 1/2 C - 1 kim thẳng, đầu tam giác, dài 51 mm, phủ silicon, thân kim có khắc bề để kết nối dây dẫn với máy tạo nhịp - Tiết khuôn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	1.068
128	Chỉ thép số 1, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 25 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 1 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 1, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 25 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Tiết khuôn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	96
129	Chỉ thép số 2, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 2 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 2, dài ≥ 45 cm - 1 kim tròn đầu cắt, dài 37 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp), lực căng kéo nút thắt (lực căng của chỉ) tối thiểu 5 Kg _f - Tiết khuôn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	108
130	Chỉ thép số 3, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 3 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 3, dài ≥ 45 cm - 1 Kim tròn đầu cắt, dài 40 mm, 1/2 C, phủ chất bôi trơn (silicon hoặc sáp) - Tiết khuôn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	96
131	Chỉ thép số 4, dài ≥ 45 cm, 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C	Chỉ thép số 4 - Chất liệu bằng thép không gỉ, số 4, dài ≥ 45 cm - 1 kim tròn đầu cắt, dài 48 mm, 1/2 C - Tiết khuôn, 1 tép tối thiểu 4 sợi - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Tép	96

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
132	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 2.8 - 2.9 mm	- Kẹp mạch máu - Chất liệu Titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 2.8 - 2.9 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 1.9 - 2 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 3.6 - 3.7 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số 137081 của hãng Weck tại Bệnh viện	Cái	8.004
133	Kẹp mạch máu 2 thì, chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.2 - 4.4 mm	- Kẹp mạch máu 2 thì - Chất liệu titanium - Chiều rộng clip khi mở 3.4 - 3.6 mm, chiều cao kẹp khi mở 4.2 - 4.4 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tương thích kèm kẹp clip mã PL604R của hãng Aesculap tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	4.896
134	Kẹp mạch máu 2 thì, chiều cao kẹp khi mở khoảng 8.20 - 8.25 mm	- Kẹp mạch máu 2 thì - Chất liệu titanium - Chiều rộng kẹp khi mở 7.20 - 7.25 mm, chiều cao kẹp khi mở 8.20 - 8.25 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tương thích kèm kẹp clip mã PL606R của hãng Aesculap tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	1.728
135	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 1.90 - 1.92 mm	- Kẹp mạch máu - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 1.90 - 1.92 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 1.90 - 1.93 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 2.2 - 2.5 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số 537081 của hãng Weck tại Bệnh viện	Cái	576
136	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 2.80 - 2.90 mm	- Kẹp mạch máu - Chất liệu Titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 2.80 - 2.90 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 2.05 - 2.10 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 3.60 - 3.70 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số 137082 của hãng Weck tại Bệnh viện	Cái	10.998
137	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.6 - 4.7 mm	- Kẹp mạch máu - Chất liệu Titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 4.6 - 4.7 mm, chiều rộng kẹp khi mở khoảng 3 - 3.05 mm, chiều cao kẹp khi đóng khoảng 5.80 - 5.90 mm - Có rãnh chống trượt mô - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số 237081 của hãng Weck tại Bệnh viện	Cái	27.246

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
138	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 3.0 - 3.2 mm	Kẹp mạch máu cỡ nhỏ - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 3.0 - 3.2 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 3.6 - 3.7 mm - Kẹp hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số LX107 của hãng Ethicon tại Bệnh viện	Cái	4.752
139	Kẹp mạch máu, chiều cao kẹp khi mở khoảng 3.8 - 4.2 mm	Kẹp mạch máu cỡ trung bình - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 3.8 - 4.2 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 5 - 5.5 mm - Kẹp hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số LX207 của hãng Ethicon tại Bệnh viện	Cái	6.917
140	Kẹp mạch máu chiều dài kẹp khi đóng khoảng 8.8 - 9 mm	Kẹp mạch máu cỡ trung bình - lớn - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 6 - 6.4 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 8.8 - 9 mm - Kẹp hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số EL314 của hãng Ethicon tại Bệnh viện	Cái	23.976
141	Kẹp mạch máu, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 12 - 12.3 mm	Kẹp mạch cỡ lớn - Chất liệu titanium - Chiều cao kẹp khi mở khoảng 7 - 7.5 mm, chiều dài kẹp khi đóng khoảng 12 - 12.3 mm - Kẹp hình chữ V kẹp được các cấu trúc dạng ống. Hai đầu được lắp khít với nhau giảm tổn thương mạch máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với kim kẹp mã số EL414 của hãng Ethicon tại Bệnh viện	Cái	2.484
142	Kẹp mạch máu, chất liệu polymer	Kẹp mạch máu - Chất liệu Polymer - Kích cỡ: * ML: đường kính khoảng 10 - 11 mm, có thể kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 3 - 10 mm * L: đường kính khoảng 14 - 15 mm, có thể kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 5 - 13 mm * XL: đường kính khoảng 18 - 19 mm, có thể kẹp mô hoặc mạch máu đường kính khoảng 7 - 16 mm - Có gai sọc thân kẹp chống trượt với chân bám 360 độ, có khoá an toàn - Tiệt khuẩn - Tương thích với kim kẹp mã số 544170, 544180, 544191 hoặc 544965, 544995, 544990 của hãng Weck tại Bệnh viện - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	57.198

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
143	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi khoảng 30 - 40 cm	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi - Kích thước * Chiều dài khoảng 30 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong khoảng 20 - 25 độ - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy Valleylab FT10 tại Bệnh viện	Cái	130
144	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở, dài khoảng 20 - 21 cm	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở - Kích thước * Chiều dài khoảng 20 - 21 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong khoảng 35 - 40 độ - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy Valleylab FT10 tại Bệnh viện	Cái	340
145	Dao mổ mắt phaco, 45 độ	Dao mổ mắt phaco - Chất liệu: bằng thép không gỉ, phủ silicon - Chiều rộng khoảng 2.2 - 3.2 mm (tối thiểu phải có 2.2, 2.8, 3.0, 3.2 mm) - Bề dày lưỡi dao ≤ 0.14 mm - Độ cứng ≥ 500 Hv - Cạnh mài ngang, cấu tạo mặt vát 45 độ, gấp góc - Bề mặt lưỡi dao có xử lý chống chói - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	1.800
146	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ mở, dài khoảng 8 - 10 cm	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ mở, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 8 - 10 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở tại danh mục mời thầu - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện	Cái	324
147	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, dài khoảng 30 - 40 cm	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 30 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở và mổ nội soi tại danh mục mời thầu - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện	Cái	570

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
148	Dao siêu âm không dây dùng trong mô nội soi, dài khoảng 30 - 40 cm	Dao siêu âm không dây dùng trong mô nội soi, tần số ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 30 - 40 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 15 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với các dụng cụ không dây đi kèm	Cái	50
149	Đầu máy không dây, tạo xung động siêu âm	Đầu máy không dây, tạo xung động siêu âm - Tần số dao động ≥ 55000 lần/giây - Tín hiệu đèn LED và âm thanh báo hiệu tình trạng hoạt động của thiết bị - Có thể tái sử dụng đến 100 lần - Có thể hấp diệt trùng nhiệt độ cao - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	3
150	Rọ lấy sỏi qua ống soi mềm, loại nhỏ	Rọ bắt sỏi - Kích cỡ khoảng 1.8 - 2.2 Fr - Chiều dài khoảng 118 - 120 cm - Thiết kế đầu rọ: 4 cạnh kim loại, đầu tròn - Tay cầm có nút điều chỉnh ra vào rọ - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Xuất xứ: nhóm nước G7	cái	70
151	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở	Bộ phận truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở - Sử dụng được ≥ 80 lần - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện	Cái	19
152	Vỏ que nong dùng cho tán sỏi mật qua da	Vỏ que nong dùng cho tán sỏi mật qua da - Kích cỡ tối thiểu phải có 10, 12, 14, 16, 18 Fr - Có tai xé bỏ sau thủ thuật - Cấu tạo: 1 vỏ que, 1 nòng nhựa - Thiết kế: vỏ que ôm sát ống nong - Chất liệu: nhựa, đảm bảo độ cứng không xẹp khi rút bỏ nòng - Chiều dài: 18 - 22 cm - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) - Xuất xứ: G7	Cái	57
153	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng pin, trong phẫu thuật nội soi	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gấp góc đa năng, dùng pin trong phẫu thuật nội soi - Kích thước: * Cán dài khoảng 15 - 20 cm * Đường kính thân ≤ 12 mm - Có thể gấp góc 45 độ mỗi bên, xoay bằng ghim 360 độ - Các bộ phận khác đi kèm phụ kiện lắp đặt pin, pin, khay sạc pin - Số lần sử dụng tối thiểu 150 lần (mỗi lần sử dụng có thể nhiều bằng ghim) - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim nội soi các cỡ, cùng hãng tại danh mục mời thầu	Bộ	1

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
154	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở, khoảng 70 - 80 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.5 - 2.0 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở - Chất liệu: * Tay cầm bằng nhựa * Lưỡi dao thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài đường cắt khoảng 70 - 80 mm * Có thể điều chỉnh độ cao của ghim sau đóng 3 mức 1.5 mm, 1.8 mm, 2.0 mm - Hàm đe có 6 hàng để bấm ghim - Có thể sử dụng được tối thiểu 12 băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô mở, 75 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	450
155	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở, khoảng 75 - 85 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mở - Chất liệu: * Tay cầm bằng nhựa * Lưỡi dao thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài đường cắt khoảng 75 - 85 mm - Có thể điều chỉnh độ cao ghim sau đóng khác nhau khoảng 1.5 - 2.5 mm - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên với 3 chiều cao ghim khác nhau từ 3 - 4 mm - Có thể sử dụng được tối thiểu 8 băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mô mở, khoảng 80 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	130
156	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gấp góc chủ động, dùng trong phẫu thuật nội soi - Kích thước: - Cán dài khoảng 15 - 20 cm - Đường kính thân ≤ 12 mm - Có thể gấp góc 45 độ mỗi bên, xoay băng ghim 360 độ, thay thế băng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Có thể sử dụng được tối thiểu 25 băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	325
157	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, 45 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gấp góc chủ động, dùng trong phẫu thuật nội soi - Chất liệu: đe và lưỡi dao bằng thép không gỉ - Kích thước * Cán dài khoảng 32 - 36 cm * Đường kính thân ≤ 12 mm * Chiều dài hàm 45 mm - Có thể gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay băng đạn 360 độ, thay thế băng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Hàm đe có 6 hàng để bấm ghim - Có thể sử dụng được tối thiểu 12 băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, nội soi, 45 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	40

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
158	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc đa năng, 60 mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gấp góc đa năng, dùng trong phẫu thuật nội soi. - Chất liệu: đe và lưỡi dao bằng thép không gỉ - Kích thước * Cán dài khoảng 32 - 36 cm * Đường kính thân ≤ 12 mm * Chiều dài hàm 60 mm - Có thể gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay bằng đạn 360 độ, thay thế băng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Hàm đe có 6 hàng để bấm ghim - Có thể sử dụng được tối thiểu 12 băng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	380
159	Dụng cụ khâu cắt nối vòng tự động, dùng trong phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng	Dụng cụ khâu nối vòng, tự động phẫu thuật cắt trĩ và sa niêm mạc trực tràng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Cấu tạo: ≥ 32 ghim, ít nhất 2 hàng ghim - Kích thước: * Chiều cao ghim khoảng 3.3 - 3.7 mm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim khoảng 32 - 34 mm - Đe có thể tháo rời - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	2.200
160	Dụng cụ khâu cắt nối tự động, dùng trong điều trị sa trực tràng kiểu túi	Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng trong điều trị sa trực tràng kiểu túi - Chất liệu: ghim bằng titanium - Cấu tạo: ≥ 32 ghim, ít nhất 2 hàng ghim - Kích thước: * Chiều cao ghim khoảng 4.5 - 5.0 mm * Đường kính ngoài ngoài của khoang chứa ghim khoảng 32 - 34 mm - Đe có thể tháo rời - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	310
161	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, sử dụng pin, 25 - 31 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, sử dụng pin - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 20 - 25 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 25 mm, 29 mm, 31 mm, tối thiểu 20 ghim * Chiều cao ghim sau khi đóng điều chỉnh được khoảng 1.5 mm - 2.2 mm - Ít nhất 2 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	160
162	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, 3 hàng ghim, 28 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 20 - 25 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 28 mm, 31 mm, 33 mm, tối thiểu 38 ghim - Ít nhất 3 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	160

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
163	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng, 25 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe nghiêng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 30 - 35 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 25 mm, 28 mm, 31 mm, 33 mm, tối thiểu 20 ghim - Ít nhất 2 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	110
164	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, 25 - 33 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 15 - 20 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 25 mm, 29 mm, 33 mm, tối thiểu 20 ghim * Chiều cao ghim sau khi đóng điều chỉnh được từ 1.5 mm - 2.2 mm - Ít nhất 2 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Bộ	200
165	Dụng cụ khâu da, dùng đóng da	Dụng cụ khâu da dùng đóng da - Bằng thép không gỉ - Tối thiểu 35 ghim đường kính khoảng (5 - 6) x (3 - 4) mm - Cấu tạo cửa sổ nhìn trong suốt - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	180
166	Dụng cụ khâu cắt thẳng mô mở, 30 mm	Dụng cụ khâu cắt thẳng mô mở - Chất liệu tay cầm bằng nhựa - Kích thước: * Cán dài khoảng 18 - 25 cm * Chiều dài băng ghim 30 mm - Cấu tạo 3 hàng ghim - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng, mô mở" tại danh mục mời thầu	Bộ	50
167	Dụng cụ khâu nối thẳng, nội soi, 60 mm, gấp góc đa năng, sử dụng pin	Dụng cụ khâu nối thẳng, nội soi, 60 mm, gấp góc đa năng, sử dụng pin - Chất liệu đe bằng thép không gỉ - Kích thước: + Cán dài khoảng 32 - 36 cm + Đường kính thân ≤ 12 mm + Chiều dài hàm 60 mm - Có thể gấp góc mỗi bên 45 độ, xoay băng ghim 360 độ, thay thế băng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Tự động thu dao sau khi sử dụng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm, chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 0.9 - 1.1 mm" tại danh mục mời thầu	Bộ	72

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
168	Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm	Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm - Gồm: + vỏ ngoài: * Chất liệu bằng nylon - Phủ lớp ưa nước (hydrophilic) * Có 2 nhánh + Nòng: * Chất liệu bằng polyethylene * Bên trong có thể tháo rời - Chiều dài khoảng 35 - 50 cm - Kích cỡ khoảng 10 - 12 Fr (tối thiểu phải có 11, 12 Fr) - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	52
169	Kim gây tê tùy sống cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G	Kim gây tê tùy sống - Kim bằng thép không gỉ - Đầu kim cấu tạo 3 mặt vát - Chuôi kim trong suốt, có tráng bạc, phản quang giúp phát hiện dịch não tủy chảy ra - Cỡ 18G, 20G, 22G, 25G, 27G, dài khoảng 85 - 90 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	13.000
170	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Thiết kế bờ vuông hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - 3 tiêu cự - Dây độ: từ +5.0 đến +32.0D, bước nhảy 0.5D - Dạng phiến - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7	Cái	60
171	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu, điều chỉnh lão thị	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu kết hợp công nghệ kéo dài tiêu cự: - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Thiết kế bờ vuông hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Lọc tia UV và ánh sáng tím - Dây độ từ +5.0D đến +32D, bước nhảy 0.5D - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7	Cái	30
172	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, điều chỉnh loạn thị	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, điều chỉnh loạn thị: - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Càng chữ C - Thiết kế bờ vuông hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Dây độ từ +5.0D đến +32D, bước nhảy 0.5D - Công suất điều chỉnh loạn từ 1.0D đến 8.0D - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7	Cái	30

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
173	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, dạng phiến	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, còng dạng phiến - Chất liệu Acrylic - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Còng dạng phiến - Thiết kế bờ vuông hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Dây độ: từ -10.0 đến +40D - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7	Cái	525
174	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, nhuộm vàng	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu - Chất liệu Acrylic - Còng chữ C - Thiết kế bờ vuông hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ. - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Nhuộm vàng, có phủ lớp chống viêm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7	Cái	100
175	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, quang sai thấp	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu, quang sai thấp - Chất liệu Acrylic - Còng chữ C, bờ sau vuông, được xử lý mờ, chống chói hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Dây độ từ -10D đến +40D, bước nhảy 0.5D - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7	Cái	900
176	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 90 - 100 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính trong khoảng 5 - 6 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	2.000
177	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 11 mm, dài 90 - 100 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính trong khoảng 11 - 12 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	1.000

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
178	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 12 - 12.5 mm, dài 90 - 100 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính trong khoảng 12 - 13 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	2.000
179	Vật liệu cầm máu dùng cầm máu trong phẫu thuật mũi xoang	Vật liệu cầm máu dùng cầm máu sau phẫu thuật mũi xoang - Chất liệu bằng Hydroxilated Poly-Vinyl Acetate - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 7 cm * Chiều rộng: ≥ 2 cm * Chiều cao (dày): ≥ 1.5 cm - Được nén kép, không bị vụn - Có khả năng tương thích sinh học và cầm máu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	3.200
180	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 10 cm	Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu - Chất liệu bằng sợi rayon cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3), tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22 μm - Trọng lượng ≥ 6 mg/cm² - Lượng Cacboxyl (COOH) khoảng 18 - 24% - Độ bền kéo ướt ≥ 3 lbf - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 10 cm * Chiều rộng: ≥ 20 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	3.792
181	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 2.5 cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng bông ép Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22 μm - Trọng lượng ≥ 10 mg/cm² - Lượng Cacboxyl (COOH) khoảng 18 - 24% - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 2.5 cm * Chiều rộng: ≥ 5 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Miếng	450

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
182	Vật liệu cầm máu, tự tiêu, chiều dài ≥ 5 cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng bông ép Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22 μm - Trọng lượng $\geq 10 \text{ mg/cm}^2$ - Lượng Cacboxyl (COOH) khoảng 18 - 24% - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 10 cm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Miếng	800
183	Vật liệu cầm máu, dạng bông gòn, tự tiêu, chiều dài ≥ 5 cm	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng dạng bông xốp Rayon, cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (tối đa 3) giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, dạng bông gòn có nhiều lớp, có thể tách ra nhiều lớp (số lớp ≥ 7 lớp), cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ, bám tốt vào mô chảy máu, tự tiêu sau 7 ngày - Đường kính đồng nhất khoảng 20 - 22 μm - Trọng lượng $\geq 26 \text{ mg/cm}^2$ - Lượng Cacboxyl (COOH) khoảng 18 - 24% - Kích thước: * Chiều dài: ≥ 5 cm * Chiều rộng: ≥ 10 cm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: G7	Miếng	3.700
184	Vật liệu cầm máu xương, $\geq 85\%$ sáp ong	Vật liệu cầm máu xương - Thành phần sáp ong $\geq 85\%$ và isopropyl Palmitate $\geq 10\%$ - Trọng lượng ≥ 2.5 gr - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Miếng	1.800
185	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, dài ≥ 20 cm, 2 kim, 1/2 C, dài 48 mm	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp - Chỉ bằng Polyester, dài ≥ 20 cm, phủ Polybutylate, được dệt thành băng dệt, dày khoảng 4 - 5 mm. - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhón, bằng thép không gỉ, dài 48 mm, 1/2 C - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	tép	162

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
186	Ống nội soi mềm, đường kính 4.5 - 5 mm	Ống nội soi mềm - Một vỏ bọc nhựa - Lõi bằng kim loại, kết cấu dễ dàng gấp góc, xoắn vặn - Chiều dài làm việc khoảng 360 - 380 mm - Đường kính ống soi khoảng 4.5- 5 mm - Kích thước kênh làm việc khoảng 2 - 2.2 mm - Mật độ điểm ảnh khoảng 160.000 - 170.000 Pixels. - Có nút thao tác ghi hình, chụp ảnh trên ống soi - Có khả năng quan sát trong khoảng cách từ 5-100mm - Trường quan sát khoảng: 110-120 độ - Hệ thống chiếu sáng: ≥ 3 đèn - Kết nối tương thích với các loại màn hình kích thước khác nhau - Có thể gấp góc 2 chiều, chiều lên ít nhất 210 độ (+ 210), chiều xuống ít nhất 180 độ (- 180) - Có nút khoá góc gấp ống soi hỗ trợ khi soi - Thời gian sử dụng tối thiểu 3 giờ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	ống	160
187	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglecaprone, đơn sợi, số 0, dài ≥ 70 cm, 1 kim, dài 31 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng polyglecaprone, số 0, dài ≥ 70 cm, lực giữ vết mổ 50% ít nhất 7 ngày, tiêu hoàn toàn < 90 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 31 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	96
188	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu kéo dài tiêu cự	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu kéo dài tiêu cự: - Chất liệu Acrylic - Càng chữ C, bờ sau vuông, được xử lý mờ, chống chói hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Tăng cường tầm nhìn trung gian - Dãy độ từ +5D đến +34D, bước nhảy 0.5D - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7	Cái	250
189	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 3 mảnh	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, ba mảnh đơn tiêu - Chất liệu: Phần quang học Acrylic, phần càng bằng chất liệu Polymethylmethacrylate (PMMA) - Càng chữ C, bờ sau vuông - Chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Dãy độ từ -10D đến +30D, bước nhảy 0.5D - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7	Cái	100
190	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi bằng polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, 2 kim, dài 13 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 6-0, dài ≥ 75 cm, chất phủ polyethylene glycol (PEG) - 2 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 13 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	Tép	756

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
191	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở, dài khoảng 20 - 25 cm	Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ mở - Kích thước * Chiều dài khoảng 20 - 25 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 20 - 22 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong khoảng 20 - 25 độ - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích máy Valleylab FT10 tại Bệnh viện	Cái	10
192	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 50 - 60 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực Bao gồm: - Thân: * Thân: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành ngực, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 5 - 5.5 mm + Chiều dài khoảng 50 - 60 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	100
193	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, đường kính 10 - 11 mm, dài 50 - 60 mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực Bao gồm: - Thân: * Thân: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành ngực, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 11 mm + Chiều dài khoảng 50 - 60 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	100
194	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 11 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 11 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	300

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
195	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 12 - 12.5 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 12 - 12.5 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	600
196	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 5 - 5.5 mm, dài 90 - 100 mm, van ≥ 4 mảnh	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Kích thước: + Đường kính khoảng 5 - 5.5 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 4 mảnh, xếp chồng lên nhau, đường vào hình phễu - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	500
197	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim tam giác, dài 30 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polyamid, số 2-0, dài ≥ 75 cm - 1 kim tam giác, bằng thép không gỉ, dài 30 mm, 3/8 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	Tép	4.704
198	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, đa sợi, số 0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 40 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng Polyglactin, phủ chất kháng khuẩn Triclosan, số 0, dài ≥ 75 cm, giữ vết mổ 50% ít nhất 21 ngày, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 67 N, tiêu hoàn toàn ≤ 70 ngày. - 1 kim, thân kim tròn, đầu kim tròn, thuận nhọn, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 40 mm, 1/2 C, phủ silicon - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Mỹ	tép	1.080
199	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, 2 kim, dài 11 mm, 3/8 C	Chỉ khâu không tiêu, tổng hợp, đơn sợi - Chỉ bằng Polypropylene, số 7-0, dài ≥ 60 cm, lực căng kéo nút thắt đạt tối thiểu 3 N - 2 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng hợp kim (tối thiểu có Chrome, Niken, Titan), dài 11 mm, đường kính ≤ 0.26 mm, 3/8 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Tép	252
200	Chỉ khâu tiêu, bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 75 cm, 1 kim, dài 37 mm, 1/2 C	Chỉ khâu tiêu, tổng hợp, đa sợi - Chỉ bằng polyglactin, số 2-0, dài ≥ 75 cm, lực căng kéo nút thắt tối thiểu 24 N, lực căng của chỉ giảm 50% sau 5 ngày, tiêu hoàn toàn sau 42 ngày - 1 kim, thân kim tròn, đầu cắt, bằng thép không gỉ, dài 37 mm, 1/2 C - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Châu Âu	tép	1.080

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
201	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi và mổ mở, dài khoảng 20 - 25 cm	Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi và mổ mở, tần số siêu âm ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 20 - 25 cm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 18 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật mổ mở và mổ nội soi tại danh mục mời thầu - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện	cái	10
202	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gấp góc chủ động, liên tục có chế độ trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng, gấp góc chủ động, liên tục có chế độ trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi - Kích thước: - Cán dài khoảng 15 - 20 cm - Đường kính thân ≤ 12 mm - Có thể gấp góc 45 độ mỗi bên, xoay bằng ghim 360 độ, thay thế bằng ghim để sử dụng ít nhất 5 lần trong một cuộc phẫu thuật - Có thể sử dụng được tối thiểu 25 băng ghim - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với băng ghim "Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng có chế độ trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi, 60 mm" tại danh mục mời thầu	Cái	70
203	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng có chế độ trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi, 60 mm	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.0 - 2.2 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng có chế độ trợ lực bằng điện và cơ cùng hãng - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	600
204	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng, 25 - 32 mm	Dụng cụ khâu cắt nối vòng, đầu cong, đe thẳng - Chất liệu: ghim bằng titanium - Kích thước * Cán dài khoảng 13 - 15 cm * Đường kính ngoài của khoang chứa ghim gồm các cỡ: 25mm, 26mm, 29mm, 31mm, 32mm, tối thiểu 33 ghim * Đường kính lòng cắt 16, 17, 20, 21, 22 mm * Chiều cao ghim sau khi đóng điều chỉnh được từ 1.0 mm - 2.5 mm - Ít nhất 3 hàng ghim - Tiết khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	65

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
205	Dao siêu âm không dây dùng trong mổ mỡ, dài khoảng 25 - 30 cm	Dao siêu âm không dây dùng trong mổ mỡ, tần số ≥ 55000 Hz - Kích thước: * Chiều dài khoảng 25 - 30 cm * Đường kính 5 mm * Chiều dài lưỡi dao khoảng 10 - 15 mm - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, lưỡi dao cong - Có thể hàn mạch máu ≥ 4 mm - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với các dụng cụ không dây đi kèm	cái	12
206	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu kéo dài tiêu cự điều chỉnh được loạn thị	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đơn tiêu kéo dài tiêu cự điều chỉnh được loạn thị - Chất liệu Acrylic - Càng chữ C, bờ sau vuông, được xử lý mờ, chống chói hoặc có vòng chống đục bao sau 360 độ - Phi cầu, chỉ số sắc sai ≥ 55 - Chỉ số khúc xạ ≤ 1.47 - Tăng cường tầm nhìn trung gian - Công suất điều chỉnh loạn thị: 1.5D; 2.25D; 3.00D; 3.75D; 4.5D; 5.25D; 6.00D - Dãy độ từ +5D đến +34D, bước nhảy 0.5D - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Xuất xứ: Nhóm nước G7	cái	20
207	Lưới dùng trong điều trị thoát vị bẹn mỡ nội soi, bằng polypropylene, định hình lưới 3D, trái, phải	Lưới nhẹ dùng trong điều trị thoát vị bẹn mỡ nội soi - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: ngang 10 - 14 cm, dọc ≥ 15 cm - Trọng lượng khoảng 35 -70 g/m² - Kích thước lỗ 1 - 3 mm - Khả năng chịu lực ≥ 16 N/cm - Độ đàn hồi: $> 20\%$ - Có định hình lưới 3D - Phân chia trái, phải riêng biệt - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	miếng	20
208	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng bằng polypropylene, chống dính, hình tròn, 10 - 12 cm, kèm hệ thống định vị lưới	Lưới dùng trong điều trị thoát vị thành bụng, hình tròn - Chất liệu polypropylene (PP) - Kích thước: 10-12cm - Trọng lượng 35-70g/m² - Kích thước lỗ: 1-3mm - Khả năng chịu lực: ≥ 32N/cm theo chiều dọc, ≥ 22N/cm theo chiều ngang. - Độ đàn hồi: $> 20\%$ - Chống dính: 1 mặt hoặc 2 mặt - Có hệ thống định vị giúp rút ngắn thời gian đặt lưới - Dụng cụ đi kèm: dụng cụ định vị và bơm bóng - Đóng gói: riêng rẽ, không gấp đôi, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	miếng	4

TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
209	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 13 mm, dài 90 - 100 mm, có bóng cố định	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí, có bóng cố định * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 13 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	50
210	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 13 mm, dài 90 - 100 mm, tích hợp hỗ trợ đóng lỗ trocar	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi Bao gồm: - Thân: * Chất liệu: nhựa trong * Cấu tạo: có rãnh để cố định trên thành bụng, có van khí (có thể khí vào hay ra), van chống thoát khí * Thiết kế tương thích dụng cụ hỗ trợ đóng lỗ trocar * Kích thước: + Đường kính khoảng 10 - 13 mm + Chiều dài khoảng 90 - 100 mm - Nòng: nhựa, đầu không dao, tách cơ, không cắt cơ - Van chống xì khí: ≥ 2 mảnh - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	50
211	Dụng cụ hỗ trợ đẩy chỉ đóng lỗ trocar	Dụng cụ hỗ trợ đẩy chỉ đóng lỗ trocar - Tương thích "Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, đường kính 10 - 13 mm, dài 90 - 100 mm, tích hợp hỗ trợ đóng trocar" tại danh mục mời thầu - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	2
212	Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm, dài khoảng 13 - 30 cm	Vỏ ngoài dùng cho ống soi mềm - Cấu tạo : + Đầu Tip được thiết kế mềm dạng lò xo có thể uốn cong 180 độ + Có 2 kênh trong suốt, kênh xuyên lệch góc 45 độ kết hợp lỗ điều chỉnh áp suất âm bằng cách đóng mở giúp cho việc quan sát & thoát sỏi dễ dàng hơn. + lớp trong chất liệu PTFE + lớp ngoài được phủ lớp ưa nước + Dụng cụ đi kèm : 01 vỏ bọc , 01 que nong, 01 nắp đậy. - Kích thước: + Đường kính trong khoảng 12 - 14 Fr + Đường kính ngoài khoảng 14 - 16 Fr + Chiều dài khoảng 13 - 30 cm - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	5



TT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
213	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi, 60 mm kèm vật liệu cầm máu	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng, mổ nội soi kèm vật liệu cầm máu - Chất liệu ghim: titanium - Cấu tạo 3 hàng ghim mỗi bên - Kích thước + Chiều dài băng ghim 60 mm + Chiều cao 3 hàng ghim với 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng ghim khoảng 3 - 4 mm + Chiều cao ghim sau khi đóng khoảng 1.2 - 1.8 mm - Cấu tạo lưỡi dao nằm trong băng ghim - Kèm vật liệu cầm máu - Tương thích với dụng cụ khâu cắt nối thẳng bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) (không bao gồm FDA 510K) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	cái	120
214	Stent kim loại đường mật không có màng bọc phủ bên ngoài stent, đường kính catheter khoảng 4 - 7 Fr	Stent kim loại đường mật - Chất liệu Nitinol, không có màng bọc phủ bên ngoài stent - Kích thước: * Chiều dài stent kim loại khoảng 40 - 150 mm * Đường kính stent sau khi bung hoàn toàn khoảng 6 - 12 mm * Chiều dài dụng cụ khoảng 50 - 180 cm, đường kính catheter khoảng 4 - 7 Fr - Cấu tạo chống di lệch stent - Có điểm cân quang trên catheter đánh dấu vị trí stent - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) hoặc Tiêu chuẩn CE (Châu Âu) - Tương thích với dây dẫn khoảng 0.025" - 0.035"	Cái	5